

**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN**

**ANNUAL  
REPORT**

**TVSI**   
CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

**2013**

## MỤC LỤC

<b><u>TT</u></b>	<b><u>Nội dung</u></b>	<b><u>Trang</u></b>
<b>I</b>	<b>THÔNG TIN CHUNG</b>	<b>2</b>
<b>II</b>	<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b>	<b>7</b>
<b>III</b>	<b>BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	<b>11</b>
<b>IV</b>	<b>ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>18</b>
<b>V</b>	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>20</b>
<b>VI</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	<b>24</b>

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0103015019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20/12/2006
- Giấy phép thành lập và hoạt động: do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp
  - Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006
  - Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 230/UBCK-GP ngày 17/04/2009; và
  - Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 10/GPĐC – UBCK ngày 11/03/2013.
- Vốn điều lệ: 350.000.000.000 đồng (ba trăm năm mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 350.000.000.000 đồng (ba trăm năm mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ:
  - Trước 11/3/2013: Tầng 5, 152 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội
  - Từ 11/3/2013: Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Số điện thoại: (84) 043 728 0921
- Số fax: (84) 043 728 0920
- Email: [contact@tvs.com.vn](mailto:contact@tvs.com.vn)
- Website: <http://www.tvs.com.vn>

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

- 2006** - Thành lập TVSI
- 2007** - Thành viên chính thức của HOSE, HNX.
  - Thành lập Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
- 2008** - Tăng vốn lên 128 tỷ đồng.
- 2009** - Kết nối giao dịch trực tuyến với HOSE, giao dịch từ xa với HNX.
  - Tăng vốn lên 350 tỷ đồng.
  - Thành viên chính thức sàn UPCOM của HNX.
  - Thành lập các chi nhánh tại Hà Nội, TP. HCM, Hải Phòng, Đà Nẵng.
  - Thay đổi bộ nhận diện thương hiệu.
  - Thành lập và đưa vào sử dụng TT Dịch vụ Khách hàng (Contact Center).
- 2010** - Đạt giải “Tin & Dùm 2009”, “Thương hiệu chứng khoán uy tín 2010”.
  - Tổ chức thành công hội thảo “Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, triển vọng ngành Ngân hàng và Bất động sản 2010”.
  - Thành lập Chi nhánh Nha Trang, Chi nhánh Quy Nhơn.

- TVSI là một trong 500 DN tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR 500).
- Tổ chức hội thảo “Tác động của tỷ giá và lãi suất tới TTCK VN”.
- 2011**
  - Khai trương Trung tâm phân tích (Financial Portal) [www.tvsi.com.vn](http://www.tvsi.com.vn).
  - Thành lập Chi nhánh Mỹ Đình, Chi nhánh Vĩnh Long.
  - Triển khai dịch vụ “Chuyển tiền Online với Vietcombank”. Cung cấp gói dịch vụ trực tuyến trọn gói.
  - Đạt giải Tin&Dùng 2010 cho sản phẩm “Giao dịch trực tuyến” do Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng (lần thứ hai liên tiếp).
  - Triển khai bảng giá trực tuyến nhanh nhất VN theo công nghệ mới trên [price.tvsi.com.vn](http://price.tvsi.com.vn).
  - Tổ chức Hội thảo về thị trường tài chính
  - Đưa cổng tra cứu thông tin chứng khoán [finance.tvsi.com.vn](http://finance.tvsi.com.vn) ra giới thiệu với công chúng qua trang chủ VnExpress.net
  - Triển khai thực hiện quyền, lô lẻ online trên trang iTrade-Home
  - Giới thiệu giao diện mobile của trang web TVSI, ứng dụng giao dịch iTradeMobile được giới thiệu trên Apple store, Android market
- 2012**
  - Triển khai ứng dụng Mobile trading [m.tvsi.com.vn](http://m.tvsi.com.vn).
  - Triển khai ứng dụng đặt lệnh trực tiếp trên trang [finance.tvsi.com.vn](http://finance.tvsi.com.vn)
  - Giới thiệu bảng giá rút gọn [price2.tvsi.com.vn](http://price2.tvsi.com.vn)
  - Triển khai hệ thống giao dịch tiền iPayment 2012, kết nối trực tiếp và hoàn toàn tự động với VCB.
  - Nâng cấp hệ thống Core giao dịch đáp ứng khả năng vận hành hiệu quả với số lượng khách hàng tăng nhanh chóng.
  - Triển khai áp dụng Logo TVSI với bố cục mới, màu sắc nổi bật
  - Triển khai tin nhắn thương hiệu - TVSI;
  - Triển khai và cập nhật dịch vụ ứng trước tiền trên tài khoản Margin.
  - Thực hiện rút ngắn chu kỳ bán chứng khoán về ngày T+3 và triển khai lệnh thị trường (MP)
  - Giới thiệu khách hàng sử dụng dịch vụ Contact Center tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
  - Triển khai Thông tư 210/2012/TT-BTC, hoàn toàn tách bạch tài khoản của nhà đầu tư và CTCK, đảm bảo minh bạch, an toàn cho giao dịch của khách hàng.
  - Chuyển trụ sở chính về 79 Lý Thường Kiệt, Hà Nội. Chuẩn bị thành lập PGD Tây Hồ (thực hiện đầu năm 2013)
  - Thị phần TVSI vươn lên lọt vào top 15 các CTCK dẫn đầu và được biết tới là CTCK đầu tư bài bản và có hệ thống công nghệ hiện đại.

- 2013**
- Hoạt động tại trụ 79 Lý Thường Kiệt, Hà Nội; xây dựng lại Data Center với các tiêu chuẩn về bảo mật, an toàn và dự phòng cao hơn.
  - Lập Phòng giao dịch Tây Hồ;
  - Triển khai hệ thống giao dịch nâng cấp HNX, tăng cường năng lực xử lý cùng với nhiều loại lệnh giao dịch mới
  - Xây dựng và hoàn thiện kết nối trực tuyến iPayment – BIDV@EZLINK, tự động hoá hoàn toàn các giao dịch chuyển tiền của nhà đầu tư ra tất cả các ngân hàng bên ngoài. Khách hàng có thể nộp rút tiền online nhánh chóng giữa TK chứng và NH BIDV;
  - Nâng cấp phần mềm giao dịch ItradeHome cho khách hàng với nhiều tính năng ưu việt: tự động chia lệnh, ứng trên tài khoản margin;
  - Nâng cấp các tiện ích giao dịch online cho Khách hàng: Thực hiện quyền online; bán chứng khoán lô lẻ online;
  - Mở rộng hệ thống Contact center;
  - Đưa cổng tra cứu thông tin chứng khoán [finance.tvsi.com.vn](http://finance.tvsi.com.vn) hợp tác với Báo Đầu tư chứng khoán điện tử [www.tinnhanhchungkhoan.vn](http://www.tinnhanhchungkhoan.vn) và Thời báo tài chính.
  - Quản lý tách bạch tiền gửi của KH tại TVSI với tài khoản E-BIDV;
  - Xây dựng tiêu chuẩn phục vụ KH VIP;
  - Triển khai làm phần mềm giao dịch trực tuyến mới.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### *Ngành nghề kinh doanh*

TVSI đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép cho tất cả các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Môi giới chứng khoán, Tự doanh, Bảo lãnh phát hành, Lưu ký chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

#### *Địa bàn kinh doanh*

Sau 8 năm hoạt động, TVSI đã khẳng định được vị thế và uy tín của mình trong lĩnh vực chứng khoán với thị phần không ngừng gia tăng và hệ thống liên tiếp được mở rộng. Hệ thống điểm giao dịch của TVSI có mặt tại hầu hết thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Nha Trang, ...

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### *Mô hình quản trị*

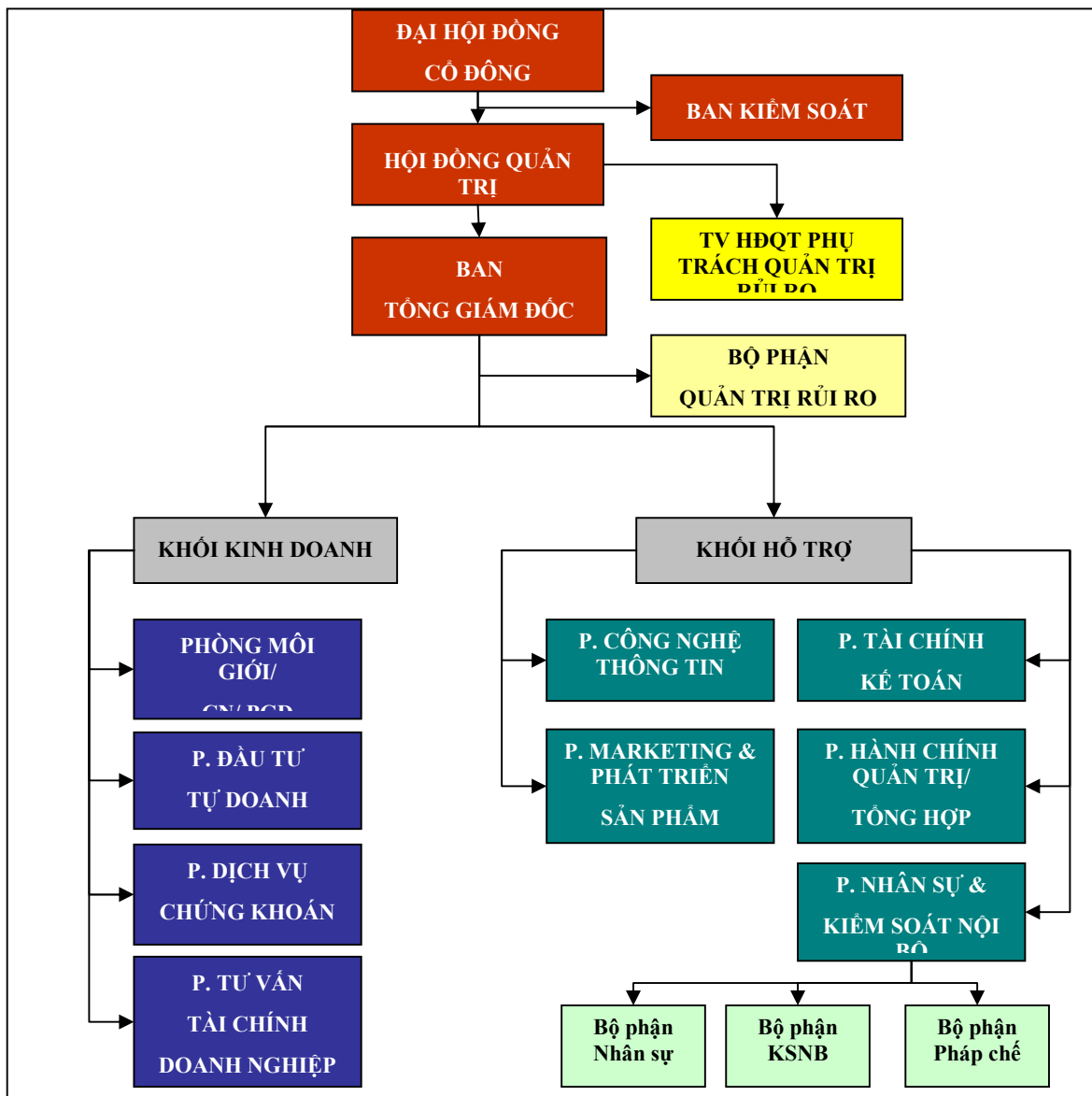
Bộ máy quản trị TVSI bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.

*Cơ cấu bộ máy quản lý*

Bộ máy quản lý của TVSI được chia thành 02 nhóm (Nhóm Kinh doanh và Nhóm Hỗ trợ) và các phòng nghiệp vụ theo từng nhóm. Cán bộ quản lý bao gồm các Giám đốc Khối chức năng (Giám đốc Tài chính và các Giám đốc Môi giới Khu vực), Giám đốc các Chi nhánh và Trưởng/Phó các phòng nghiệp vụ.

Các công ty con, công ty liên kết: Không có

Sơ đồ tổ chức TVSI:



**5. Định hướng phát triển**

*Tầm nhìn*

Trở thành một trong những định chế trung gian tài chính hàng đầu trong lĩnh vực chứng khoán, trong đó **hoạt động môi giới, dịch vụ tín dụng** làm chủ đạo.

*Các mục tiêu dài hạn của Công ty*

- Phát triển thương hiệu TVSI trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán;
- Trở thành tổ chức tài chính hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực môi giới trực tuyến và đầu tư - tư vấn tài chính;
- Đào tạo, phát triển chất lượng nhân sự là yếu tố cốt;
- Tối đa hóa giá trị cổ đông.

*Chiến lược phát triển trung và dài hạn (Giá trị cốt lõi)*

- Luôn đi đầu trong phát triển sản phẩm mới và phát triển thị trường;
- Dịch vụ khách hàng tuyệt hảo;
- Tự chủ và phân quyền;
- Sáng tạo, trung thực và kiên nhẫn;
- Quản lý chi phí tốt và lợi nhuận hợp lý.

*Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty*

- Đóng góp vào sự phát triển của ngành chứng khoán và nền kinh tế;
- Xây dựng đội ngũ môi giới có kinh nghiệm, trình độ và gắn bó với nghề nghiệp;
- Tích cực tham gia vào các hoạt động có ích cho xã hội và cộng đồng.

**6. Các rủi ro**

Tương tự như các công ty chứng khoán (CTCK) khác, trong quá trình hoạt động kinh doanh, TVSI phải đương đầu với rủi ro thuộc 05 nhóm chính bao gồm:

- *Rủi ro thị trường* là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi.
- *Rủi ro thanh toán* là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết.
- *Rủi ro thanh khoản* là rủi ro xảy ra khi CTCK không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường.
- *Rủi ro hoạt động* là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật/ hệ thống/ quy trình nghiệp vụ/ con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí/ lỗ từ hoạt động đầu tư/ các nguyên nhân khách quan khác.
- *Rủi ro pháp lý* là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

Ban Điều hành TVSI đã ban hành và liên tục cập nhật, hoàn thiện các quy trình, quy định, quy chế nội bộ cũng như thành lập các bộ phận chức năng nhằm thiết lập và duy trì một cơ chế hiệu quả và toàn diện trong việc kiểm soát các rủi ro này.

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

**1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm**

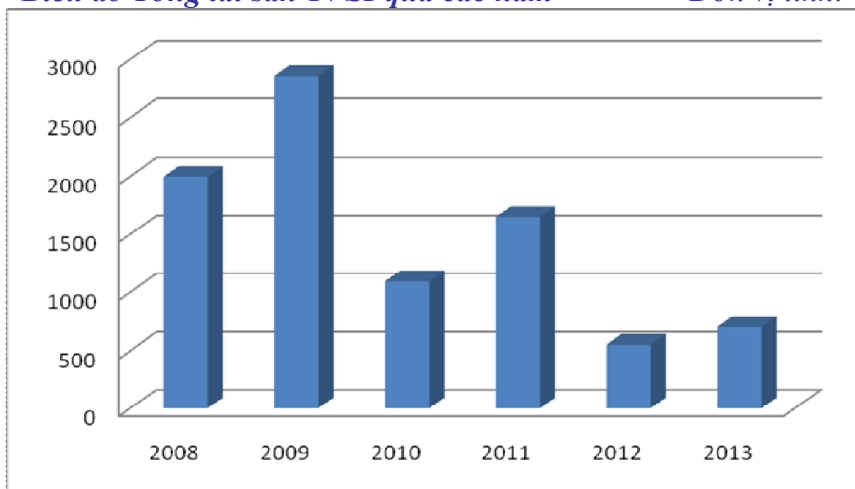
Với việc cơ cấu lại hoạt động kinh doanh và tinh giản một số bộ phận đã triển khai từ năm 2011 và 2012, năm 2013 TVSI đạt lợi nhuận sau thuế là 17,72 tỷ đồng (tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần là 18,21%).

Một số chỉ tiêu chủ yếu của năm 2013 như sau:

- Tổng tài sản tại 31/12 là 712 tỷ đồng, tăng 29% so với 552 tỷ đồng cuối năm 2012.
- Tỷ lệ Vốn chủ sở hữu/Tổng Tài sản tại 31/12 là 51,1%, giảm 22,3% so với 65.62% cuối năm 2012, thể hiện sự hiệu quả trong huy động các nguồn vốn bổ sung hoạt động kinh doanh.
- Tổng Doanh thu đạt 97,3 tỷ đồng, tăng 9,7% so với 88,7 tỷ của năm 2012 do TVSI có những đột phá trong thị phần môi giới chứng khoán năm 2013.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 17,72 tỷ đồng (giảm 3 tỷ đồng so với năm 2012), mức giảm trên chủ yếu do lãi suất cho vay trong năm 2013 đã giảm từ mức trên 20%/năm về dưới 18%/năm trong năm 2013.

**Biểu đồ Tổng tài sản TVSI qua các năm**

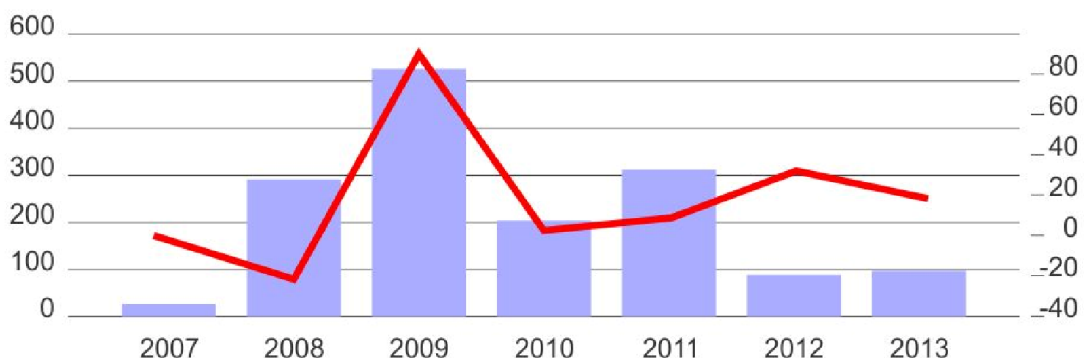
*Đơn vị tính: Tỷ đồng*



**Biểu đồ Doanh thu/ Lợi nhuận TVSI qua các năm**

**Doanh thu**  
(tỷ đồng)

**Lợi nhuận**  
(tỷ đồng)





**1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2013	% thực hiện KH
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	712	-	-
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	97.3	96.1	101
3	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	Tỷ đồng	75.2	70.8	106
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	Tỷ đồng	22.1	25.3	87,4
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	4.4	5.3	83
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	17.7	20	88,5
7	Số lượng tài khoản	TK	41,883	41,000	102,1%

**2. Tổ chức và nhân sự**
**2.1 Danh sách Ban điều hành (tại ngày 31/12/2013)**

TT	Họ tên - Chức vụ	Kinh nghiệm công tác	Trình độ	Cổ phần TVSI sở hữu
1	<b>Ông Nguyễn Văn Dũng</b> - <i>Tổng Giám đốc</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT - CTCK Tân Việt (từ 2007 đến nay).</li> <li>- Phó Giám đốc - CTCK NH Ngoại thương Việt Nam (2005-2006).</li> <li>- Trưởng phòng TCKT - NH Ngoại thương Việt Nam (2002-2005).</li> </ul>	Cử nhân kinh tế Thạc sỹ QTKD (MBA)	Số lượng: 2.211.276 CP Tỷ lệ sở hữu 6.32%
2	<b>Ông Nguyễn Việt Cường</b> - <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phó Tổng Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT – CTCK Tân Việt (từ 2007 đến nay).</li> <li>- Ủy viên HĐQT – Công ty cổ phần Tập đoàn HIPT (từ 2012 đến nay).</li> <li>- Phó Giám đốc – TT Tin học NH Ngoại thương Việt Nam (1997-2006).</li> </ul>	Kỹ sư tin học Thạc sỹ QTKD	Số lượng: 1.151.601 CP Tỷ lệ sở hữu 3.29%
3	<b>Ông Nguyễn Tiến Thành</b> - <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phó Tổng Giám đốc kiêm GD CN. HCM - CTCK Tân Việt (từ 2008 đến nay).</li> <li>- Giám đốc DVCK – CTCK Tân Việt (2007-2008).</li> </ul>	Cử nhân kinh tế Thạc sỹ quản lý phát	Số lượng: 75.000 CP Tỷ lệ sở hữu: 0,21%

TT	Họ tên - Chức vụ	Kinh nghiệm công tác	Trình độ	Cổ phần TVSI sở hữu
		- Trưởng phòng – NH Ngoại thương Việt Nam.	triển	
4	<b>Ông Lê Thanh Tùng</b> - Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	- Giám đốc tài chính/ Kế toán trưởng – CTCK Tân Việt (từ 2008 đến nay). - Trưởng phòng KTTC – Chi nhánh NH Ngoại thương Việt Nam (2005-2008).	Cử nhân kinh tế Thạc sỹ QTKD	Số lượng: 52.600 CP Tỷ lệ sở hữu 0,15%

2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2013: 169 người (31/12/2012: 189 người)

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Với cơ chế chính sách đối với Cán bộ, công nhân viên được điều chỉnh phù hợp từ những năm 2011-2012 tiếp tục phát huy hiệu quả trong năm 2013. Trong năm 2013 TVSI tiếp tục triển khai cụ thể các định hướng đã được Ban lãnh đạo đưa ra và không có sự thay đổi chính sách với người lao động./.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Không có

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013 (tỷ đồng)	Năm 2012 (tỷ đồng)	Tăng/ giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	712	552.3	28,9
Doanh thu thuần	97.3	88.7	9,7
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	22.1	25.9	-14,7
Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế	22.1	25.9	-14,7
Lợi nhuận sau thuế	17.7	20.7	-14
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(tạm ứng) 4%	7%	-42,9

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	% Tăng/ Giảm
<i>Chỉ tiêu về tỷ lệ an toàn tài chính</i> + Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	393,97	437,01	-9,85
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,01	2,86	-29,50
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,49	0,34	42,14
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,14	0,16	-14,92
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> + Hệ số LN sau thuế/ DT thuần + Hệ số LN sau thuế/ Vốn CSH + Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản + Hệ số LN từ hđ KD/ DT thuần	0,18 0,05 0,02 0,23	0,23 0,06 0,04 0,29	-22,02 -14,85 -33,65 -22,24

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**
**a) Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần: 35.000.000 CP
- Loại cổ phần đang lưu hành: CP phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 35.000.000 CP
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: Không có

**b) Cơ cấu cổ đông (tại ngày 31/12/2013)**

- Theo tỷ lệ sở hữu:
  - + Cổ đông lớn (tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên): 02 cổ đông, chiếm tỷ lệ 17,32%
  - + Cổ đông nhỏ: 78 cổ đông, chiếm tỷ lệ 82,68%
- Theo loại đối tượng:
  - + Cổ đông tổ chức: 02 cổ đông, chiếm tỷ lệ 14,16%  
Cổ đông tổ chức bao gồm các cổ đông chiến lược của TVSI là Ngân hàng TMCP Sài Gòn và Công ty cổ phần Tập đoàn HIPT.
  - + Cổ đông cá nhân: 78 cổ đông, chiếm tỷ lệ 85,84%

*Ghi chú:* Toàn bộ các cổ đông đều là cổ đông trong nước và không có cổ đông nào là cổ đông Nhà nước.

- c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không có
- d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không có
- e) *Các chứng khoán khác:* Không có

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

##### a) *Bối cảnh nền kinh tế*

Nền kinh tế Việt Nam đã có dấu hiệu phục hồi với sự GDP năm 2013 tăng 5,42%. Mặc dù vẫn thấp hơn mức dự báo 5,5% của chính phủ nhưng vẫn cao hơn tăng trưởng 5,25% trong cả năm 2012. Lạm phát cả năm 2013 được dự ổn định ở mức thấp 6,04%.

Cũng trong năm 2013, sức cầu trong nước tăng nhẹ với tổng mức bán lẻ tăng 12,6% so với năm 2012.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI, chủ yếu đến từ các nước Châu Á: Hàn Quốc, Singapore, Trung Quốc và Nhật Bản tăng 54,5% so với năm 2012. Tỷ lệ giải ngân tăng 9,9% và tập trung chủ yếu vào ngành sản xuất là yếu tố quan trọng giúp kinh tế Việt Nam giữ được nhịp tăng trưởng.

Về mặt ngoại hối và tỷ giá, dự trữ ngoại hối đạt 32 tỷ đô la trong năm 2013, tăng mạnh so với mức 24 tỷ trong năm 2012. Tỷ giá tiền đồng được giữ ở mức ổn định, đóng góp quan trọng trong việc kích thích dòng vốn ngoại quay trở lại thị trường Việt Nam.

Chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ được điều hành, phối hợp một cách nhịp nhàng và linh hoạt. Bằng chứng là lãi suất điều hành chủ chốt giảm 2% trong năm 2013. Với chính sách nới lỏng tiền tệ có kiểm soát của Ngân Hàng nhà nước, lãi suất huy động và lãi suất cho vay tiếp tục giảm từ 2,5% - 3,5% với kì hạn ngắn, từ 4%-4,5% đối với trung và dài hạn. Nhìn chung, lãi suất ngân hàng được giữ ở mức ổn định trong suốt năm 2013.

Về vấn đề nợ và bội chi ngân sách, sự ra đời của công ty mua bán nợ VAMC đánh dấu một bước ngoặt lớn trong thị trường tài chính Việt Nam, khi có một công ty lần đầu tiên mua bán và quản lý nợ xấu. Bội chi ngân sách trong năm 2013 cũng ở mức cao 5,3% GDP và vượt mức dự đoán ban đầu.

##### *Thị trường chứng khoán:*

Thị trường chứng khoán năm 2013 tăng tốt nhất kể từ năm 2010, Vnindex đạt mức 504,63 điểm tăng 21,97%, tính thanh khoản được cải thiện với giá trị giao dịch bình quân trên cả 2 sàn tăng 5,4% so với năm 2012. Diễn biến tốt của chỉ số VNindex có được nhờ sự ổn định của nhóm cổ phiếu trụ cột và sự hồi giá của một số mã giảm sâu như BĐS, tài chính và vận tải.

Vốn hóa của sàn chứng khoán tăng 23,7%, tương đương 31% GDP.

Năm 2013 cũng đánh dấu sự bùng nổ của khối nhà đầu tư nước ngoài với sự tăng mạnh số lượng nhà đầu tư mở tài khoản mới, 56% so với năm 2012. Đồng thời với đó là sự tăng trưởng của dòng vốn ngoại đạt mức 53,1% so với 2012. Đặc biệt, 2 ETFs hoạt động năng nổ, chiếm khoảng 24% giá trị mua ròng khối ngoại. Với sự tập trung chủ yếu vào nhóm VN30.

Thị trường chứng khoán trong năm 2013 có 2 giai đoạn tăng trưởng và tích lũy rõ rệt:

- Giai đoạn tăng trưởng (3/1/2013-20/2/2013) VNindex và HNindex tăng mạnh lần lượt ở mức 19,6% và 17,3% với nhóm cổ phiếu BĐS đóng vai trò chủ đạo
- Giai đoạn tích lũy và củng cố giá đỉnh (21/02/2013-31/12/2013) thị trường đạt đỉnh và giao động hình Sin có trục năm khoảng 490 điểm với sự quan tâm đặc biệt đến các cổ phiếu có nền tảng doanh nghiệp tốt.

Thị trường chứng khoán năm 2013 cũng được cải hỗ trợ bởi nhiều yếu tố kỹ thuật từ chính sách của cơ quan quản lý nhằm tăng tính thanh khoản cho thị trường và tạo sự thu hút các nhà đầu tư qua kênh chứng khoán như:

- Nới tỷ lệ margin lên 50-50 được áp dụng từ 1/2/2013
- Tăng biên độ sàn HoSE lên 7% và sàn Hà Nội lên 10% từ ngày 15/1/2013
- Kéo dài thời gian giao dịch đến 15h để tăng thanh khoản cho thị trường
- Giảm thời gian thanh toán từ T+4 sang T+3

Với hàng loạt các chính sách tốt từ kinh tế vĩ mô đến thị trường chứng khoán là tiền đề cho phát sự phát triển hứa hẹn một sự đột phá trong năm 2014 về thị trường chứng khoán Việt Nam.

## **b) Đánh giá tổng quan**

### ➤ *Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch*

Năm 2013 với một loạt các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ nói chung và chính sách hỗ trợ thị trường chứng khoán nói riêng đã có những tác động tích cực nhất định đến diễn biến thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, do tính chất dài hạn của các chính sách kinh tế và tác động của khủng hoảng kinh tế, vấn đề nợ xấu cao trong hệ thống ngân hàng Việt Nam nên niềm tin đối với thị trường trong năm 2013 rất thận trọng. Vì vậy, hoạt động kinh doanh chứng khoán của TVSI trong năm 2013 cơ bản đạt được các chỉ tiêu về doanh thu, môi giới như kế hoạch đã đề ra từ đầu năm.

Trong năm, Công ty đã có các điều chỉnh phù hợp về mặt chiến lược và giải pháp để hạn chế rủi ro và gia tăng sự cạnh tranh, bao gồm:

- Điều chỉnh giảm hoạt động kinh doanh tiềm tàng nhiều rủi ro (tắt toán các hợp đồng repo đáo hạn) và tăng cường kiểm soát rủi ro đối với hoạt động này;
- Đẩy mạnh hoạt động vào lĩnh vực nòng cốt là dịch vụ môi giới và dịch vụ tài chính. Tăng tính cạnh tranh trong hoạt động môi giới (linh hoạt trong việc hỗ trợ giao dịch cho nhà đầu tư).

- Nắm bắt cơ hội tăng trưởng của thị trường, mạnh dạn đầu tư tự doanh vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, ổn định và hiện được định giá thấp hơn giá thị trường.
- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ;
- Nâng cấp sản phẩm giao dịch, phát triển công nghệ và phát triển thương hiệu.
- Sử dụng hiệu quả chi phí.

Thay đổi kịp thời chính sách kinh doanh hướng đến giá trị cốt lõi, hạn chế tối đa rủi ro và nắm bắt cơ hội thị trường trong những năm tiếp theo nêu trên đã đem lại những kết quả cụ thể, bền vững, thể hiện ở những con số về kết quả kinh doanh: Lợi nhuận sau thuế đạt 17,7 tỷ đồng và tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu đạt 18%.

Năm 2013 là năm bản lề đối với nhiều công ty chứng khoán, là cơ hội phục hồi với công ty có tiềm năng hoặc giải thể, bị mua lại với những công ty không còn đủ năng lực. TVSI tiếp tục là công ty hoạt động hiệu quả trong năm 2013 nằm trong số các công ty có lãi (63% các công ty lỗ trong năm 2013 giảm so với 70% CTCK lỗ hoặc lỗ lũy kế 2012). TVSI cũng thể hiện được sự tiến bộ vượt bậc trong thị phần môi giới tăng lên 1,87% và trả cổ tức bằng tiền 4% trong năm 2013 (tạm ứng).

➤ *Đánh giá tình hình thực hiện so với năm trước*

Chính sách tập trung vào hoạt động cốt lõi là Môi giới và dịch vụ tài chính trong năm 2013 như đã nêu trên đã mang lại hiệu quả tích cực thể hiện ở doanh thu hoạt động môi giới tăng 27% và doanh thu đầu tư, góp vốn tăng 62% so với năm 2012.

Năm 2013 là năm mà hoạt động cốt lõi là môi giới của TVSI có sự tăng trưởng đáng ghi nhận khi doanh thu hoạt động môi giới tăng 27%, tổng doanh thu tăng 9,7% và tổng tài sản tăng 28,9% so với năm 2012. Tuy nhiên, lợi nhuận năm 2013 giảm 14% so với năm 2012 do công ty đã hạn chế các hoạt động rủi ro (repo) và giảm lãi suất trên thị trường xuống mức rất thấp (quanh mức 5%). Dù lợi nhuận 2013 có giảm nhưng hầu hết các chỉ tiêu về tình hình tài chính 2013 đều giữ vững theo hướng tích cực, cụ thể:

- Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng được duy trì ở mức cao (trên 400%) cả năm và đạt 393,97% tại thời điểm kết thúc năm tài chính, mặc dù giảm nhẹ so với 2012 ở thời điểm cuối năm nhưng toàn bộ trong năm 2013 đều đạt tỷ lệ an toàn vốn cao thể hiện sự gia tăng hiệu quả trong quản trị rủi ro.
- Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt mức 2,1 và giảm 29,5% so với 2012 khi công ty đã sử dụng phần vốn cho các hoạt động dịch vụ tài chính với khách hàng giao dịch ký quỹ thúc đẩy hoạt động môi giới.
- Hệ số nợ tăng đáng kể so với 2012 (hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng 42,14%) chứng tỏ công ty đã huy động tốt nguồn vốn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong năm 2013.
- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời có giảm so với 2012 do công ty thận trọng trong việc góp vốn, repo chứng khoán rủi ro, qua đó thể hiện chính sách kinh doanh hướng đến giá trị bền vững và dài hạn. Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần giảm 22%; Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu giảm 14% cho thấy hiệu quả tính trên đơn vị vốn chủ sở hữu công ty vẫn tiếp tục duy trì được ổn định.

Với chiến lược kinh doanh lấy hoạt động môi giới làm cốt yếu, mặc dù việc phát triển thị trường gặp rất nhiều trở ngại trong năm, TVSI cũng đã đạt được những thành công nhất định bao gồm:

- Số tài khoản giao dịch chứng khoán mở mới trong năm là 3.525 tài khoản, nâng tổng số tài khoản của khách hàng tại TVSI tại 31/12/2013 lên 41,883 tài khoản (tăng 9,1% so với 31/12/2012).
- Tổng giá trị giao dịch qua TVSI đạt 12,925 tỷ đồng và phí môi giới trên toàn hệ thống đạt 31,2 tỷ đồng tăng 27% so với 2012.
- Thị phần trung bình cả năm ở mức 1,87%, thể hiện sự tăng trưởng mạnh, bền vững, đáng lưu ý là tại thời điểm Quý IV năm 2013 TVSI đã vươn lên vị trí thứ 9 trong TOP 10 công ty chứng khoán dẫn đầu về thị phần trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trong năm 2013, số lượng nhân sự bình quân giảm còn 169 người (so với 189 người của năm 2012 và tương đương tỷ lệ cắt giảm 10,5%) do chiến lược tinh giảm bộ máy nhân sự để gia tăng hiệu quả hoạt động. Để đảm bảo sự công bằng và lợi ích hợp pháp của người lao động, mặc dù có nhiều thách thức trong hoạt động kinh doanh, Công ty đã nỗ lực duy trì mức thu nhập bình quân 2013 đạt 9,33 triệu đồng/người/tháng, tăng 9,4% so với mức 8,5 triệu đồng/người/tháng của năm 2012.

➤ *Các tiến bộ đã đạt được trong năm 2013*

Năm 2013 là năm thị trường có những yếu tố thuận lợi nhất định làm cơ sở cho chu kỳ tăng trưởng mới của thị trường chứng khoán. Nắm bắt kịp thời cơ hội của thị trường, TVSI đã có sự tăng trưởng mạnh ở tổng giá trị giao dịch, thị phần môi giới và cơ cấu nguồn vốn, đảm bảo sự an toàn trong hoạt động. Các hoạt động môi giới và hỗ trợ giao dịch ký quỹ đã mang lại hiệu quả hoạt động chủ yếu của TVSI trong năm 2013.

Song song với việc hướng tới mục tiêu lợi nhuận và gia tăng lợi ích của cổ đông, do có lãi, năm 2013 TVSI đã ghi nhận nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền 4,41 tỷ đồng (hoàn thành nộp vào Ngân sách Nhà nước trong tháng 1/2014).

• Về kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh:

- Tăng trưởng mạnh và bền vững hoạt động môi giới với tăng trưởng thị phần 29%, hoạt động kinh doanh toàn Công ty có lãi;
- Tỷ lệ an toàn tài chính cả năm luôn được duy trì ở mức cao quanh mốc 400%.
- Đảm bảo lợi ích của cổ đông với mức tạm ứng cổ tức 2013 là 4%.
- Gia tăng quyền lợi của người lao động, thu nhập có tăng trưởng so với 2012 cải thiện đời sống người lao động.
- Gia tăng hiệu quả hoạt động thông qua quản lý hiệu quả chi phí và nhân sự.
- Cuối 2013: vươn lên lọt vào vị trí thứ 9 trong TOP 10 công ty chứng khoán dẫn đầu về thị phần trên HNX.

• Về khả năng thích ứng với thay đổi của thị trường và đáp ứng yêu cầu quản lý trong lĩnh vực chứng khoán:

- Tháng 2: xây dựng lại Data Center với các tiêu chuẩn về bảo mật, an toàn và dự phòng cao hơn.
- Tháng 7: Tăng thời gian giao dịch đến 15 giờ hàng ngày.
- Tháng 8: Triển khai các loại lệnh mới đáp ứng thay đổi của thị trường.
- Về sản phẩm dịch vụ và công cụ giao dịch:
  - Tháng 2: Tiếp tục nâng cấp cải tiến hệ thống giao dịch trực tuyến hiện có, bổ sung thêm các tiện ích chia lệnh, lô lẻ và thực hiện quyền trực tuyến;
  - Tháng 4: Giới thiệu bảng giá rút gọn price.tvsi.com.vn dành cho nội bộ TVSI và các khách hàng thân thiết;
  - Tháng 6: hệ thống iPayment – BIDV@EZLINK, tự động hoá hoàn toàn các giao dịch chuyển tiền của nhà đầu tư ra tất cả các ngân hàng bên ngoài;
  - Tháng 9: Triển khai hệ thống giao tiếp trực tuyến giữa khách hàng và nhân viên môi giới trực tiếp chăm sóc qua các công cụ Chat trực tuyến.
  - Tháng 10: Triển khai và cập nhật dịch vụ mới chia lệnh tự động trên hệ thống Ifis nội bộ.
- Về phát triển thương hiệu, xây dựng hình ảnh Công ty:
  - Tháng 7: Tham gia các hoạt động thiện nguyện giúp đỡ đồng bào vùng lũ, khó khăn ở miền Trung;
  - Tháng 8: Xây dựng lại bộ nhận diện các công cụ giao dịch trực tuyến của TVSI.
  - Tháng 10: Xây dựng Fanpage của công ty tăng thêm kênh tiếp cận với khách hàng.
  - Giữ vững hình ảnh là công ty chứng khoán có sự đầu tư bài bản, có hệ thống, công nghệ hiện đại.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản năm 2013 tăng 28,9% so với năm 2012 cho thấy sự tăng trưởng trong hoạt động của công ty.

Tuy nhiên, tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản giảm 33,6% và tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu giảm 14% cho thấy dù hiệu quả sinh lời tổng thể giảm nhưng tính hiệu quả trên đồng vốn chủ có mức độ giảm thấp hơn cho thấy tính hiệu quả được gia tăng trong việc đầu tư và phân bổ hợp lý các nguồn lực.

Trong năm 2013, Công ty không phát sinh tài sản xấu.

### b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả năm 2013 tăng 83,5% so với năm 2012, tỷ lệ Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu đạt tỉ lệ 0.95; tỷ lệ Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn tăng 41% cho thấy công ty đã hiệu quả trong việc huy động và sử dụng nguồn vốn vay tài trợ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán của khách hàng.



### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm, Công ty tiếp tục thực hiện chính sách đã được định hướng nhằm các mục tiêu: tìm kiếm và phát triển khách hàng; thu hút và quản lý tốt nguồn nhân sự môi giới; tinh giảm và quản lý chặt chẽ, khoa học hoạt động của các bộ phận hỗ trợ; cắt giảm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động.

*Một số thay đổi về cơ cấu tổ chức trong năm 2013 bao gồm:*

- Thành lập 01 Phòng giao dịch (PGD Tây Hồ), thực hiện đầu năm 2013.
- Thay đổi địa điểm Trụ sở chính và 01 chi nhánh (Láng Hạ).
- Lập thêm phòng Môi giới 4 tại Hội sở.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

*Về chiến lược:*

- Tiếp tục tập trung vào hoạt động môi giới và dịch vụ tín dụng Margin.
- Gia tăng sự khác biệt về sản phẩm dịch vụ thông qua nâng cao chất lượng tư vấn và chăm sóc khách hàng;
- Tập trung vào hiệu quả và hoạt động cốt yếu, cắt giảm những yếu tố thừa.

*Về huy động/vay vốn:*

- Đảm bảo nguồn vốn đáp ứng nhu cầu của hoạt động tín dụng Margin.
- Quản lý tốt kỳ hạn nguồn vốn với kỳ hạn cho vay.

*Về các hoạt động tín dụng, đầu tư và dịch vụ ngân hàng đầu tư*

- Quản lý tập trung việc cấp tín dụng Margin, nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro liên quan;
- Hạn chế hoạt động góp vốn có độ rủi ro cao;
- Lựa chọn cổ phiếu thỏa mãn các tiêu chí đầu tư, đầu cơ tự doanh trong giai đoạn thị trường thuận lợi;
- Thúc đẩy hoạt động tìm kiếm hợp đồng mảng dịch vụ ngân hàng đầu tư.

*Về nhân sự:*

- Tăng cường xây dựng văn hóa doanh nghiệp: Tinh thần kỷ luật cao, đoàn kết, và tính tự chủ trong công việc.
- Đẩy mạnh tuyển dụng và đào tạo nhân sự môi giới, trang bị tốt kỹ năng chăm sóc khách hàng.
- Nâng cao hiệu quả bộ máy nhân sự.
- Xây dựng và ban hành chính sách thu nhập mới đi kèm bộ chỉ tiêu giám sát năng suất lao động áp dụng cho bộ phận hỗ trợ.
- Điều chỉnh các tiêu chí giao kế hoạch và đánh giá nhân sự môi giới cho phù hợp với thực tiễn.
- Tăng cường áp dụng chính sách đánh giá, giám sát chéo trong nội bộ Công ty.

### *Về công nghệ thông tin*

- Đầu tư hiệu quả vào hệ thống công nghệ thông tin để tiếp tục duy trì lợi thế cạnh tranh về công nghệ, định hướng vào phát triển sản phẩm, ứng dụng trực tuyến và di động với mục tiêu gia tăng tính khác biệt về sản phẩm dịch vụ, nhằm hướng tới phục vụ khách hàng với chất lượng cao nhất.

### *Về Marketing & Phát triển sản phẩm*

- Thực hiện các chiến lược Marketing, PR, các chương trình ưu đãi khách thân thiết và điều tra tìm hiểu nhu cầu cũng như đánh giá sự hài lòng của khách hàng về sản phẩm dịch vụ.
- Phát triển các sản phẩm đầu tư được pháp luật cho phép để tăng các lựa chọn của nhà đầu tư, tăng kênh đầu tư giúp đa dạng hóa loại hình đầu tư và phát triển thị trường.
- Liên tục đổi mới các sản phẩm giao dịch trực tuyến đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

### *Về quản trị rủi ro, kiểm soát chất lượng*

- Tiếp tục xây dựng, ban hành các quy trình nghiệp vụ nội bộ để nâng cao chất lượng hoạt động và tính chuẩn mực trong công tác quản lý, giám sát.
- Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra nội bộ đảm bảo tuân thủ quy trình.
- Xiết chặt các quy định và tăng cường hoạt động quản trị rủi ro.

#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

##### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Xét về tổng thể, cả về tính tuyệt đối và tương đối, kết quả kinh doanh 2013 của TVSI là bằng chứng trung thực nhất về những thành tựu mà Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể nhân viên đã đạt được trong năm 2013 nhờ những nỗ lực khắc phục khó khăn và chiến lược hoạt động kinh doanh hợp lý.

*Các điểm đáng lưu ý trong hoạt động của Công ty năm 2013 bao gồm:*

- Có bước tăng trưởng đáng kể về thị phần môi giới, cuối năm 2013 đạt 1,87% và nằm trong danh sách 15 công ty chứng khoán có thị phần dẫn đầu thị trường trong đó Quý 4 năm 2013 xếp vị trí thứ 9 trong TOP 10 thị phần môi giới trên HNX.
- Đạt được 17,7 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế không có lỗ lũy kế trong khi công ty chứng khoán khác bị lỗ, phải thu hẹp hoạt động hoặc nằm trong diện kiểm soát hoạt động, giải thể
- Đảm bảo các quyền lợi chính đáng (tính minh bạch, an toàn cho giao dịch) của nhà đầu tư/ khách hàng khi thực hiện quản lý tách bạch tài khoản của nhà đầu tư và Công ty.
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông (tạm ứng cổ tức 4%) và quyền lợi của người lao động (thu nhập bình quân 2013 đạt 9,3 triệu đồng/người/tháng)
- Duy trì và gia tăng tính lành mạnh trong khả năng thanh khoản và mức độ an toàn về tỷ lệ vốn khả dụng trong cả năm (quanh mức 400%).
- Bảo toàn và quản trị tốt rủi ro về vốn và tài sản, không phát sinh tài sản xấu, nợ xấu trong bối cảnh chung của nền kinh tế là nợ xấu tăng cao.
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về kinh doanh nói chung và trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng, đặc biệt là các quy định về quản trị Công ty, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, công bố thông tin và quản lý giao dịch của khách hàng.
- Thay đổi cơ cấu tổ chức theo hướng gọn nhẹ, hợp lý và hiệu quả.
- Tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ và nâng cao tính tiện ích trong các công cụ và ứng dụng cung cấp, đảm bảo đáp ứng nhu cầu giao dịch ngày càng gia tăng của khách hàng và các yêu cầu nâng cấp hệ thống, tăng cường quản trị giao dịch của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các Sở Giao dịch.
- Cải tiến sản phẩm dịch vụ đảm bảo tính đa dạng và khả năng cạnh tranh.
- Duy trì và đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các rủi ro có thể phát sinh.
- Từng bước cải tiến và hoàn thiện các quy trình, quy chế nội bộ để nâng cao tính khoa học trong công tác quản trị, từ đó có những tác động tích cực đến các yếu tố chi phí giúp gia tăng hiệu quả hoạt động.
- Tăng cường hoạt động cải tiến dịch vụ chăm sóc khách hàng.

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, các văn bản liên quan và Điều lệ Công ty.

*Các hoạt động cụ thể của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2013 bao gồm:*

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty trong phạm vi thẩm quyền của Ban Tổng Giám đốc;
- Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị thay đổi phương án cơ cấu tổ chức Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị);
- Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị);
- Trình báo cáo quyết toán tài chính năm lên Hội đồng quản trị;
- Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận trong kinh doanh;
- Tuyển dụng lao động;
- Các nhiệm vụ khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với quyết tâm cải cách nền kinh tế của Chính phủ, năm 2014 là năm có nhiều chuyển động tích cực trong việc tái cấu trúc nền kinh tế, giải quyết các vấn đề nợ xấu còn tồn tại trong hệ thống ngân hàng để hướng đến một nền kinh tế ổn định, có sức cạnh tranh cao trong khu vực và trên thế giới. Với sự ổn định của nền kinh tế vĩ mô, lãi suất duy trì ở mức thấp do đó, so với các kênh đầu tư khác, thị trường chứng khoán sẽ được lợi nhiều nhất và có khả năng tăng trưởng tốt hơn so với năm 2013, mang lại nhiều cơ hội hơn cho hoạt động môi giới, hoạt động tự doanh, và hoạt động tín dụng margin.

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện 2013 và dự đoán tình hình kinh tế 2014, Hội đồng quản trị đã xây dựng các định hướng cho năm 2014 như sau:

- Tập trung vào 02 mảng hoạt động chính: môi giới khách hàng cá nhân và dịch vụ cho vay giao dịch ký quỹ.
- Phát triển đội ngũ môi giới có trình độ và kỹ năng tốt, nâng cao chất lượng tư vấn và chăm sóc khách hàng.
- Phát triển và cải tiến sản phẩm dịch vụ tài chính, đầu tư nhằm đảm bảo tính cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và yêu cầu của thị trường.
- Triển khai các bước chuẩn bị sẵn sàng cho phát triển thị trường phái sinh và cho vay chứng khoán khi hành lang pháp luật được hỗ trợ.
- Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và phát triển các ứng dụng mới đảm bảo tính tiện ích cao và duy trì thế mạnh về công nghệ.

- Quản lý hiệu quả chi phí.
- Tăng cường quản trị rủi ro, kiểm tra nội bộ, đảm bảo an toàn về vốn và tài sản.
- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và phát triển thương hiệu.
- Tăng cường xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

*Danh sách thành viên Hội đồng quản trị tại ngày 31/12/2012:*

Thành viên điều hành

Họ tên	Chức danh tại TVSI	Cổ phần TVSI sở hữu tại 31/12/2012	Chức danh tại đơn vị khác
<b>Ông Nguyễn Văn Dũng</b>	Chủ tịch (kiêm Tổng Giám đốc)	Số lượng: 2.211.276CP Tỷ lệ sở hữu: 6,32%	(Không có)
<b>Ông Nguyễn Việt Cường</b>	Ủy viên (kiêm Phó Tổng Giám đốc)	Số lượng: 1.151.601 CP Tỷ lệ sở hữu: 3,29%	Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn HIPT

Thành viên độc lập không điều hành

Họ tên	Chức danh tại TVSI	Cổ phần TVSI sở hữu tại 31/12/2012	Chức danh tại đơn vị khác
<b>Ông Trần Thuận Hòa</b>	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 16/9/2013)	<i>Đại diện sở hữu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB):</i> Số lượng: 3.850.000 CP Tỷ lệ sở hữu: 11%	Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn
<b>Ông Diệp Bảo Châu</b>	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 16/9/2013)	<i>Đại diện sở hữu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB):</i> Số lượng: 3.850.000 CP Tỷ lệ sở hữu: 11%	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn
<b>Ông Nghiêm Tiến Sỹ</b>	Ủy viên	(Không có)	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ B.I.S

#### b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: *Không có*

**c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Hội đồng quản trị đã hoàn thành các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Các công việc cụ thể trong năm 2013 bao gồm:
  - Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
  - Quyết định huy động thêm vốn (các hình thức vay vốn);
  - Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - Phê duyệt phương án hoạt động kinh doanh do Tổng Giám đốc đề nghị;
  - Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;
  - Quyết định các nội dung về thay đổi cơ cấu tổ chức công ty;
  - Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
  - Trình báo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
  - Kiến nghị mức cổ tức được tạm ứng, quyết định thời hạn và thủ tục chi trả;
- Các cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm 2013:

Hội đồng quản trị tổ chức 04 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên, nội dung và kết quả của các cuộc họp như sau:

Thời gian	Nội dung	Kết quả
02/2013	Đóng cửa PGD Long Biên và Thành lập PGD Tây Hồ	Thông nhất thông qua Đóng cửa PGD Long Biên và Thành lập PGD Tây Hồ
06/2013	Chuyển địa điểm PGD Láng Hạ	Thông nhất thông qua Chuyển địa điểm PGD Láng Hạ
12/2013	Tạm ứng cổ tức 2013 bằng tiền tỷ lệ 4% (mỗi cổ phần nhận được 400 đồng)	Thông qua việc tạm ứng cổ tức 2013 bằng tiền tỷ lệ 4% (mỗi cổ phần nhận được 400 đồng)
12/2013	Thành lập bộ phận Quản trị rủi ro và ban hành Chính sách quản trị rủi ro	Thông nhất Thành lập bộ phận Quản trị rủi ro và ban hành Chính sách rủi ro do một thành viên HĐQT không điều hành phụ trách.

**d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:**

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành đã hoàn thành các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

*Công việc cụ thể của các thành viên độc lập không điều hành năm 2013 bao gồm:*

- Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Tham gia ý kiến và biểu quyết về các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;
- Thực hiện giám sát việc Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua và hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc để đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Phụ trách bộ phận Quản trị rủi ro.

e) **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có**

f) **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty**

Họ tên	Chức danh	Chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty
<b>Ông Nguyễn Văn Dũng</b>	Chủ tịch HĐQT (kiêm Tổng Giám đốc)	Thạc sỹ quản trị kinh doanh (MBA)
<b>Ông Nguyễn Việt Cường</b>	Thành viên HĐQT (kiêm Phó Tổng Giám đốc)	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
<b>Ông Diệp Bảo Châu</b>	Thành viên HĐQT	Thạc sỹ kinh tế
<b>Ông Nghiêm Tiến Sỹ</b>	Thành viên HĐQT	Thạc sỹ kinh tế

## 2. Ban Kiểm soát

a) **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát tại ngày 31/12/2013:**

Ban Kiểm soát TVSI bao gồm 03 thành viên độc lập không điều hành:

Họ tên	Chức danh	Cổ phần TVSI sở hữu
<b>Bà Phạm Mai Chi</b>	Trưởng ban	Số lượng: 22.000 CP Tỷ lệ sở hữu 0,063%
<b>Bà Bùi Thanh Hiền</b>	Ủy viên	Số lượng: 19.500 CP Tỷ lệ sở hữu 0,056%
<b>Bà Đỗ Ngọc Hoàng Yến</b>	Ủy viên	(Không có)

b) **Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

Ban Kiểm soát đã hoàn thành các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

*Các công việc cụ thể trong năm 2013 bao gồm:*

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính năm, hàng quý và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị cho Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông các giải pháp điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo quy định.

*Các cuộc họp Ban Kiểm soát trong năm 2013:*

Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên, nội dung và kết quả của các cuộc họp như sau:

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Kết quả</b>
Tháng 7/2012	Thông qua Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính 06 tháng đầu năm 2013 (đã được soát xét)	Thông nhất thông qua Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính 06 tháng đầu năm 2013 (đã được soát xét).
Tháng 12/2012	Đánh giá việc chỉ đạo và thực hiện theo Quyết định số 105/QĐ-UBCK ngày 26/02/2013 của UBCKNN	Kết luận: Công ty đã triển khai kịp thời các công việc theo yêu cầu, tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định liên quan.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

**a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

Thù lao Hội đồng quản trị	96.000.000
Thù lao Ban Kiểm soát	48.000.000

**b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

<b>STT</b>	<b>Người thực hiện giao dịch</b>	<b>Quan hệ với cổ đông nội bộ</b>	<b>Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ</b>	<b>Tỷ lệ</b>
1	Nguyễn Văn Dũng	CTHĐQT	2.211.276	6,32%
2	Nguyễn Việt Cường	UV HĐQT	1.151.601	3,29%
3	Phạm Mai Chi	Trưởng BKS	22.000	0,063%
4	Bùi Thị Thanh Hiền	TV BKS	19.500	0,056%



- c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có
- d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

TVSI đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quản trị Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn liên quan, đặc biệt là quy định mới tại các thông tư hướng dẫn do Bộ Tài chính ban hành trong năm 2012 bao gồm: Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2012 “Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán” và Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 “Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán”.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1. Ý kiến kiểm toán (Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2013 - Trang 25).
2. Báo cáo tài chính 2013 đã được kiểm toán (Từ trang 26).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**

Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông Nghiêm Tiến Sỹ	Thành viên
Ông Diệp Bảo Châu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16/09/2013)
Ông Trần Thuận Hòa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 16/09/2013)

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Văn Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2014



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tầng 4, 168 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội  
 ĐT: (84-4) 3577 0781; Fax: (84-4) 3577 0787  
 Email: vacohn@vaco.com.vn  
 Website: www.vaco.com.vn

Số: ~~072~~/VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 24 tháng 03 năm 2014, từ trang 03 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 8 phần (ii) và (iii) của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.





Nguyễn Minh Hùng  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 0294-2013-156-1  
 Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
 Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2014

Phạm Xuân Sơn  
 Kiểm toán viên  
 Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 1450-2013-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 01-CTCK**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)</b>	<b>100</b>		<b>701.127.837.725</b>	<b>542.695.978.800</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>05</b>	<b>153.340.248.240</b>	<b>92.634.154.011</b>
1. Tiền	111		142.940.248.240	36.934.154.011
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.400.000.000	55.700.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>07</b>	<b>99.704.178.225</b>	<b>70.240.417.758</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		156.625.403.955	134.697.947.353
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(56.921.225.730)	(64.457.529.595)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>08</b>	<b>443.294.538.909</b>	<b>374.536.709.866</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		214.941.146.741	131.572.096.892
2. Trả trước cho người bán	132		2.355.765.583	1.638.901.040
3. Các khoản phải thu khác	138		230.303.386.905	241.783.711.934
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	09	(4.305.760.320)	(458.000.000)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.788.872.351</b>	<b>5.284.697.165</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.413.410.271	1.348.587.997
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		96.058.382	39.667.207
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	3.279.403.698	3.896.441.961
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)</b>	<b>200</b>		<b>10.909.714.064</b>	<b>9.610.228.776</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.361.156.933</b>	<b>3.276.759.631</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.879.836.070	2.484.943.311
- Nguyên giá	222		17.450.733.756	25.850.861.148
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.570.897.686)	(23.365.917.837)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	1.481.320.863	791.816.320
- Nguyên giá	228		9.745.432.283	8.395.957.833
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.264.111.420)	(7.604.141.513)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.548.557.131</b>	<b>6.333.469.145</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	30.516.816
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	13	6.440.407.651	5.384.812.329
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.108.149.480	918.140.000
<b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>712.037.551.789</b>	<b>552.306.207.576</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 01-CTCK**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>347.969.068.258</b>	<b>189.884.494.812</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>347.969.068.258</b>	<b>189.884.494.812</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	174.263.931.359	63.106.931.492
2. Phải trả người bán	312		1.195.593.176	516.022.875
3. Người mua trả tiền trước	313		430.703.450	469.208.168
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	7.121.991.605	6.132.417.226
5. Phải trả người lao động	315		4.637.273.781	3.766.088.543
6. Chi phí phải trả	316	16	4.467.403.845	1.423.550.307
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.386.506.821	1.117.217.538
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	17	153.465.664.221	113.353.058.663
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>364.068.483.531</b>	<b>362.421.712.764</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>364.068.483.531</b>	<b>362.421.712.764</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		350.000.000.000	350.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.893.537.224	7.822.097.942
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.174.946.307	4.599.614.822
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>400</b>		<b>712.037.551.789</b>	<b>552.306.207.576</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị: VND

	31/12/2013	01/01/2013
Chứng khoán lưu ký của Công ty	76.145.780.000	68.998.680.000
Chứng khoán lưu ký của nhà đầu tư	2.040.648.340.000	1.957.266.950.000

Nguyễn Văn Dũng  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2014

Lê Thanh Tùng  
 Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 02- CTCK**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>19</b>	<b>97.304.925.285</b>	<b>88.708.916.681</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		31.672.438.642	24.976.856.625
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		8.300.618.345	5.190.926.153
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		784.101.199	440.227.272
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		1.167.264.297	133.957.143
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		3.000.000	-
Doanh thu khác	01.9		55.377.502.802	57.966.949.488
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>19</b>	<b>97.304.925.285</b>	<b>88.708.916.681</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	20	58.118.538.050	50.614.848.424
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>39.186.387.235</b>	<b>38.094.068.257</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.047.402.563	12.137.920.248
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	<b>30</b>		<b>22.138.984.672</b>	<b>25.956.148.009</b>
8. Thu nhập khác	31		4.640.622	67.231.487
9. Chi phí khác	32		11.931.335	148.346.489
<b>10. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(7.290.713)</b>	<b>(81.115.002)</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>22.131.693.959</b>	<b>25.875.033.007</b>
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	4.413.483.909	5.160.640.182
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	22	-	-
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>17.718.210.050</b>	<b>20.714.392.825</b>
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	506	592

Nguyễn Văn Dũng  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2014

Lê Thanh Tùng  
 Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 03- CTCK**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>22.131.693.959</b>	<b>25.875.033.007</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02	2.658.613.391	3.767.755.108
- Các khoản dự phòng	03	(3.688.543.545)	(6.648.491.278)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.052.882.893)	(34.515.832.248)
- Chi phí lãi vay	06	16.615.128.476	9.190.791.379
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>19.664.009.388</b>	<b>(2.330.744.032)</b>
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(76.848.450.008)	(12.747.446.310)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp...)	11	56.845.591.474	(1.027.827.838.276)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(34.305.458)	(1.376.393.098)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(15.224.639.769)	(125.090.273.216)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.160.640.182)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	13.184.400.284	137.040.390
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(30.727.103.519)	(2.194.882.896)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(38.301.137.790)</b>	<b>(1.171.430.537.438)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.845.316.108)	(1.184.723.915)
2. Tiền chi cho vay, mua sắm công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(26.077.792.305)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1.084.903.158.049
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.195.548.260	106.709.379.109
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>12.350.232.152</b>	<b>1.164.350.020.938</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	923.761.134.830	353.652.078.521
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(812.604.134.963)	(332.495.572.159)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.500.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>86.656.999.867</b>	<b>21.156.506.362</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>60.706.094.229</b>	<b>14.075.989.862</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>92.634.154.011</b>	<b>78.558.164.149</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>153.340.248.240</b>	<b>92.634.154.011</b>

**Nguyễn Văn Dũng**  
**Tổng Giám đốc**  
 Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2014

**Lê Thanh Tùng**  
**Kế toán trưởng**

**Bùi Thị Thanh Hiền**  
**Người lập biểu**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 05- CTCK**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	350.000.000.000	350.000.000.000	-	-	-	-	350.000.000.000	350.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	18	7.023.082.530	7.822.097.942	799.015.412	-	2.071.439.282	-	7.822.097.942	9.893.537.224
3. Lợi nhuận chưa phân phối	18	9.983.252.820	4.599.614.822	20.714.392.825	26.098.030.823	17.718.210.050	18.142.878.565	4.599.614.822	4.174.946.307

Chi tiết tăng, giảm trong năm của các chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu xem tại Thuyết minh số 18.

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Văn Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2014

\_\_\_\_\_  
**Lê Thanh Tùng**  
**Kế toán trưởng**

\_\_\_\_\_  
**Bùi Thị Thanh Hiền**  
**Người lập biểu**



## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (“Công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2006; Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006, Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 230/UBCK-GP ngày 17/04/2009 và Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 10/GPĐC - UBCK ngày 11/03/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 350.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 169 người (năm 2012: 189 người).

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản mục tiền gửi của các nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được tách bạch riêng và là một trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên tại các ngân hàng thương mại.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung trên máy tính.

### Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty gồm: Ngân hàng TMCP Sài Gòn, Ban Giám đốc và các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty.

## 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

### Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (Tiếp theo)

#### Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

##### Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### **Tiền ký quỹ của nhà đầu tư**

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được theo dõi riêng trong tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

##### **Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

##### **Đầu tư tài chính ngắn hạn và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn**

###### **Đầu tư chứng khoán ngắn hạn**

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn là chứng khoán thương mại, bao gồm cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Việc phân loại khoản đầu tư chứng khoán là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn phụ thuộc vào quyết định của Ban Giám đốc. Theo đó, các khoản đầu tư được coi là ngắn hạn khi Công ty dự định sẽ đầu tư với thời hạn dưới 12 tháng.

Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thực hiện theo những hướng dẫn trong Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 01/02/2000 hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng tại doanh nghiệp.

Đối với chứng khoán đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán của các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán không xác định được giá thị trường thì không ty không trích lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty.

##### **Các hợp đồng bán lại**

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại không được ghi nhận là doanh thu theo nguyên tắc thận trọng trừ khi Công ty có khả năng nhận được phần chênh lệch này một cách chắc chắn.

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hệ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

##### Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán.

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 06
Tài sản cố định khác	03

##### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 3 năm.

##### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Doanh thu

- **Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:**  
Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.
- **Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:**  
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).
- **Doanh thu hoạt động tư vấn:**  
Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.
- **Doanh thu khác:**  
Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính, doanh thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

##### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	131.528.722.700	35.539.831.362
<i>Trong đó tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	<i>126.154.090.491</i>	-
Tiền gửi thanh toán bù trừ GDCK	11.411.525.540	1.394.322.649
<i>Trong đó tiền gửi thanh toán bù trừ GDCK của nhà đầu tư</i>	<i>10.870.850.443</i>	-
Các khoản tương đương tiền (i)	10.400.000.000	55.700.000.000
	<b>153.340.248.240</b>	<b>92.634.154.011</b>

Tại 31/12/2012, trong số dư tiền và các khoản tương đương tiền có bao gồm 86.132.601.243 VND là tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán. Tại ngày 31/12/2013, mục tiền gửi của các nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được tách bạch riêng và là một trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên tại các ngân hàng thương mại.

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các tổ chức tín dụng.

**6. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm
	Cổ phiếu	VND
<b>a) Cửa Công ty chứng khoán</b>	<b>6.547.598</b>	<b>108.946.496.030</b>
- Cổ phiếu	6.547.598	108.946.496.030
<b>b) Cửa nhà đầu tư</b>	<b>1.147.027.980</b>	<b>12.900.765.634.970</b>
- Cổ phiếu	1.147.027.980	12.900.765.634.970
	<b>1.153.575.578</b>	<b>13.009.712.131.000</b>

**7. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**
**7.1. Tình hình đầu tư tài chính**

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm
					Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		
<b>I. Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>9.093.198</b>	<b>8.208.146</b>	<b>156.625.403.955</b>	<b>134.697.947.353</b>	<b>6.085.717.675</b>	<b>75.503.442</b>	<b>56.921.225.730</b>	<b>64.457.529.595</b>	<b>105.789.895.900</b>	<b>70.315.921.200</b>
<i>Chứng khoán</i>										
- Cổ phiếu	9.093.198	8.208.146	156.624.503.955	134.696.047.353	6.085.717.675	75.503.442	56.921.225.730	64.457.529.595	105.788.995.900	70.314.021.200
- Cổ phiếu niêm yết	6.691.782	6.117.072	113.966.394.434	95.454.963.703	6.083.297.675	75.503.442	30.575.428.409	38.935.458.745	89.474.263.700	56.595.008.400
- Cổ phiếu chưa niêm yết (i)	2.401.416	2.091.074	42.658.109.521	39.241.083.650	2.420.000	-	26.345.797.321	25.522.070.850	16.314.732.200	13.719.012.800
- Trái phiếu			900.000	1.900.000	-	-	-	-	900.000	1.900.000

Ghi chú: (i) Bao gồm cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng, cổ phiếu upcom, cổ phiếu của các Công ty hủy niêm yết. Công ty đã trích lập dự phòng cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Đối với mã cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hóa chất phân bón Lào Cai Công ty không trích lập dự phòng do không có căn cứ để xác định giá thị trường của các cổ phiếu này.

**7. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**
**7.2. Dự phòng giảm giá đầu tư**

*Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn*

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giảm so với giá thị trường</i>
<b><i>Cổ phiếu niêm yết</i></b>	<b><i>6.691.782</i></b>	<b><i>113.966.394.434</i></b>	<b><i>30.575.428.409</i></b>
MBB	3.240.939	60.096.916.945	18.936.991.645
SHB	1.579.706	15.510.314.861	4.768.314.061
TNG	398.164	5.197.271.091	897.099.891
SCJ	105.475	3.500.937.315	2.356.884.035
VTS	130.309	3.842.406.635	2.625.494.815
LUT	96.840	1.162.080.000	706.932.000
SDT	33.500	633.779.915	174.829.915
Khác	1.106.849	24.022.687.672	108.882.047
<b><i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i></b>	<b><i>2.401.416</i></b>	<b><i>42.658.109.521</i></b>	<b><i>26.345.797.321</i></b>
<b><i>UPCOM</i></b>	<b><i>922.796</i></b>	<b><i>17.945.215.772</i></b>	<b><i>12.375.098.572</i></b>
HIG	666.196	15.576.105.772	11.778.788.572
VIR	116.600	1.377.530.000	596.310.000
Khác	140.000	991.580.000	-
<b><i>OTC</i></b>	<b><i>1.478.620</i></b>	<b><i>24.712.893.749</i></b>	<b><i>13.970.698.749</i></b>
MSB	789.845	12.506.753.500	7.767.683.500
SEAPRIMEXCO	146.250	4.837.500.000	4.764.375.000
JOSTOCO	22.000	1.440.000.000	1.429.000.000
CT CP hóa chất phân bón Lào Cai (i)	159.900	1.599.000.000	-
Khác	360.625	4.329.640.249	9.640.249
<b><i>Trái phiếu</i></b>		<b><i>900.000</i></b>	-
<b><i>Cộng đầu tư cổ phiếu</i></b>	<b><i>9.093.198</i></b>	<b><i>156.625.403.955</i></b>	<b><i>56.921.225.730</i></b>

Ghi chú (i) Không có cơ sở xác định giá thị trường của mã cổ phiếu này do không thu thập được 3 báo giá của Công ty chứng khoán.



**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

Chỉ tiêu	Đầu năm			Số phát sinh trong năm		Cuối năm			Số dự phòng
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Phải thu của khách hàng	131.572.096.892	408.000.000	408.000.000	4.155.258.943.869	(4.071.889.894.020)	214.941.146.741	1.087.528.730	1.087.528.730	1.087.528.730
2. Trả trước cho người bán	1.638.901.040	50.000.000	50.000.000	5.002.457.219	(4.285.592.676)	2.355.765.583	145.301.200	145.301.200	145.301.200
3. Phải thu khác	241.783.711.934	-	-	26.694.424.207	(38.174.749.236)	230.303.386.905	6.145.860.780	6.145.860.780	3.072.930.390
<i>Lãi dự thu hợp đồng bán lại chứng khoán (i)</i>	<i>29.858.335.000</i>	-	-	<i>10.006.068.800</i>	<i>(13.632.820.100)</i>	<i>26.231.583.700</i>	-	-	-
<i>Lãi dự thu hợp đồng giao dịch mua kỳ quỹ chứng khoán</i>	<i>2.745.812.260</i>	-	-	-	<i>(2.745.812.260)</i>	-	-	-	-
<i>Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>230.583.333</i>	-	-	<i>395.148.611</i>	<i>(509.309.722)</i>	<i>116.422.222</i>	-	-	-
<i>Phải thu các hợp đồng mua bán lại chứng khoán SCB (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn) (ii)</i>	<i>197.309.520.200</i>	-	-	-	-	<i>197.309.520.200</i>	-	-	-
<i>Phải thu các hợp đồng mua bán lại chứng khoán nhỏ lẻ khác</i>	<i>507.400.284</i>	-	-	-	<i>(7.400.284)</i>	<i>500.000.000</i>	-	-	-
<i>Phải thu khác (iii)</i>	<i>11.132.060.857</i>	-	-	<i>16.293.206.796</i>	<i>(21.279.406.870)</i>	<i>6.145.860.783</i>	<i>6.145.860.780</i>	<i>6.145.860.780</i>	<i>3.072.930.390</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>378.356.012.727</b>	<b>458.000.000</b>	<b>458.000.000</b>	<b>4.209.543.635.517</b>	<b>(4.137.548.084.417)</b>	<b>450.351.563.827</b>	<b>7.378.690.710</b>	<b>7.378.690.710</b>	<b>4.305.760.320</b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (Tiếp theo)**
Ghi chú:

(i) Khoản lãi dự thu lũy kế đến ngày 31/12/2013 Công ty đang ước tính cho hai hợp đồng mua bán lại chứng khoán SCB số 11/2011/HĐMB-SCB và số 15/2011/HĐMB-SCB.

(ii) Khoản phải thu liên quan đến các hợp đồng mua bán lại chứng khoán SCB số 11/2011/HĐMB-SCB và số 15/2011/HĐMB-SCB, theo đó, bên mua cam kết mua lại toàn bộ số chứng khoán khi đến hạn theo quy định trong hợp đồng. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng, giá trị thuần của khoản phải thu này không nhỏ hơn giá trị ghi sổ và không có bất kỳ rủi ro nào về tổn thất tài sản liên quan đến các hợp đồng này.

(iii) Mặc dù trong số dư các khoản phải thu khác có khoản phải thu Thái Đức Minh đã quá hạn thanh toán và đã được trích lập dự phòng một phần nhưng Ban Giám đốc Công ty cam kết sẽ tiếp tục thu hồi trong thời gian tới. Căn cứ theo đánh giá về khả năng thu hồi của khoản nợ này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của Thái Đức Minh là phù hợp và sẽ tiếp tục xem xét điều chỉnh trong các năm tiếp theo.

**9. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Số dư đầu năm	(458.000.000)	-
Số sử dụng trong năm	-	-
Số trích lập trong năm	(3.847.760.320)	(458.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(4.305.760.320)</b>	<b>(458.000.000)</b>

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng	2.751.264.598	3.361.302.861
Tài sản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	528.139.100	535.139.100
	<b>3.279.403.698</b>	<b>3.896.441.961</b>

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Máy móc, thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị quản lý VND</b>	<b>TSCĐ hữu hình khác VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>20.940.195.152</b>	<b>1.066.243.200</b>	<b>3.570.633.784</b>	<b>273.789.012</b>	<b>25.850.861.148</b>
Mua sắm mới	1.654.260.108	-	12.556.000	-	1.666.816.108
Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(6.693.312.297)	(17.200.000)	(3.314.431.203)	-	(10.024.943.500)
Phân loại lại	(42.000.000)	-	-	-	(42.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>15.859.142.963</b>	<b>1.049.043.200</b>	<b>268.758.581</b>	<b>273.789.012</b>	<b>17.450.733.756</b>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>18.720.511.918</b>	<b>807.620.931</b>	<b>3.563.995.976</b>	<b>273.789.012</b>	<b>23.365.917.837</b>
Khấu hao trong năm	1.851.889.760	160.135.902	7.987.916	-	2.020.013.578
Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(6.459.249.525)	(10.558.893)	(3.303.225.311)	-	(9.773.033.729)
Phân loại lại	(42.000.000)	-	-	-	(42.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>14.071.152.153</b>	<b>957.197.940</b>	<b>268.758.581</b>	<b>273.789.012</b>	<b>15.570.897.686</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>2.219.683.234</b>	<b>258.622.269</b>	<b>6.637.808</b>	<b>-</b>	<b>2.484.943.311</b>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>1.787.990.810</b>	<b>91.845.260</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.879.836.070</b>

Tại ngày 31/12/2013, tổng nguyên giá các tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng của máy móc, thiết bị là 16.480.760.342 VND, thiết bị quản lý là 518.990.223 VND, tài sản cố định hữu hình khác là 273.789.012 VND (số tại ngày 01/01/2013 lần lượt là 12.049.591.424 VND, 2.323.297.762 VND và 273.789.012 VND).

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>8.395.957.833</b>	<b>8.395.957.833</b>
Mua sắm mới	1.350.284.000	1.350.284.000
Phân loại lại	42.000.000	42.000.000
Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(42.809.550)	(42.809.550)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>9.745.432.283</b>	<b>9.745.432.283</b>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>		
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>7.604.141.513</b>	<b>7.604.141.513</b>
Khấu hao trong năm	638.599.813	638.599.813
Phân loại lại	42.000.000	42.000.000
Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(20.629.906)	(20.629.906)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>8.264.111.420</b>	<b>8.264.111.420</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>791.816.320</b>	<b>791.816.320</b>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>1.481.320.863</b>	<b>1.481.320.863</b>

Tại ngày 31/12/2013, tổng nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng là 7.193.970.723 VND (số tại ngày 01/01/2013 là 4.873.003.426 VND).

**13. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền nộp ban đầu	124.489.244	124.489.244
Tiền nộp bổ sung	4.559.570.743	4.144.128.441
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.756.347.664	1.116.194.644
	<b>6.440.407.651</b>	<b>5.384.812.329</b>

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

Vay ngắn hạn	Số dư đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số dư cuối năm
Vay cá nhân (i)	63.106.931.492	923.761.134.830	812.604.134.963	174.263.931.359
	<b>63.106.931.492</b>	<b>923.761.134.830</b>	<b>812.604.134.963</b>	<b>174.263.931.359</b>

Ghi chú: (i) Bao gồm nhiều hợp đồng vay cá nhân để phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất từ 10,53% năm đến 12,63% năm.

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	64.215.537	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.413.483.909	5.160.640.182
Thuế thu nhập cá nhân	2.644.292.159	971.777.044
	<b>7.121.991.605</b>	<b>6.132.417.226</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Lãi vay phải trả tổ chức và các nhân khác	2.071.588.696	681.099.989
Chi phí phải trả khác	2.395.815.149	742.450.318
	<b>4.467.403.845</b>	<b>1.423.550.307</b>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán của nhà đầu tư	137.024.940.934	86.132.601.243
Phải trả cổ tức cho cổ đông	14.000.000.000	24.500.000.000
Phải trả phải nộp khác	2.440.723.287	2.720.457.420
	<b>153.465.664.221</b>	<b>113.353.058.663</b>

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2012	350.000.000.000	7.023.082.530	9.983.252.820	367.006.335.350
Lợi nhuận trong năm	-	-	20.714.392.825	20.714.392.825
Trích quỹ trong năm	-	799.015.412	(1.598.030.823)	(799.015.411)
Tạm chia cổ tức năm 2012	-	-	(24.500.000.000)	(24.500.000.000)
Số dư tại 01/01/2013	350.000.000.000	7.822.097.942	4.599.614.822	362.421.712.764
Lợi nhuận trong năm	-	-	17.718.210.050	17.718.210.050
Trích quỹ trong năm (i)	-	2.071.439.282	(4.142.878.565)	(2.071.439.283)
Tạm chia cổ tức năm 2013 (ii)	-	-	(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
Số dư tại 31/12/2013	<b>350.000.000.000</b>	<b>9.893.537.224</b>	<b>4.174.946.307</b>	<b>364.068.483.531</b>

Ghi chú:

(i) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 22/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/05/2013, lợi nhuận được phân phối như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính:	2.071.439.282
+ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.035.719.641
+ Quỹ dự trữ bất buộc	1.035.719.641
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.071.439.283
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.142,878.565</b>

(ii) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 39/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/12/2013, tạm ứng cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt, tỷ lệ tạm ứng 4%/cổ phiếu.

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**
**Vốn điều lệ**

Theo Giấy phép điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 350.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

**Vốn đã góp tại 31/12/2013**

	VND	%
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	38.500.000.000	11,00%
Ông Nguyễn Văn Dũng	22.112.276.000	6,32%
Ông Nguyễn Việt Cường	11.516.010.000	3,29%
Công ty Cổ phần Tập đoàn HiPT	11.054.590.000	3,16%
Các cổ đông khác	266.817.124.000	76,23%
<b>Tổng cộng</b>	<b>350.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:**

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>	
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	35.000.000	35.000.000	cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	35.000.000	35.000.000	cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000	đồng/cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	35.000.000	35.000.000	cổ phiếu

**19. DOANH THU**

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	VND	VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	31.672.438.642	24.976.856.625
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	8.300.618.345	5.190.926.153
Doanh thu hoạt động tư vấn	784.101.199	440.227.272
Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.167.264.297	133.957.143
Doanh thu ủy thác đầu giá chứng khoán	3.000.000	-
Doanh thu khác	55.377.502.802	57.966.949.488
<i>Doanh thu lãi tiền gửi</i>	<i>3.551.421.162</i>	<i>4.502.423.178</i>
<i>Doanh thu hoạt động giao dịch mua kỳ quỹ chứng khoán</i>	<i>29.101.769.433</i>	<i>23.034.055.547</i>
<i>Doanh thu các hoạt động mua bán lại chứng khoán</i>	<i>10.023.998.950</i>	<i>24.822.482.917</i>
<i>Doanh thu hoạt động ứng trước chứng khoán</i>	<i>2.370.286.527</i>	<i>2.516.596.881</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>10.330.026.730</i>	<i>3.091.390.965</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>97.304.925.285</b>	<b>88.708.916.681</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>97.304.925.285</b>	<b>88.708.916.681</b>

**20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí môi giới	5.252.389.717	4.756.177.957
Chi phí đầu tư chứng khoán góp vốn	2.422.607.408	5.357.814.102
Hoàn nhập dự phòng	(7.536.303.865)	(7.106.491.278)
Chi phí lãi vay	16.615.128.476	9.190.791.379
Chi phí khác	41.364.716.314	38.416.556.264
	<b>58.118.538.050</b>	<b>50.614.848.424</b>

**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>22.131.693.959</b>	<b>25.875.033.007</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được chia)	(5.117.615.801)	(5.075.519.766)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	639.857.479	364.473.603
Chuyển lỗ của năm trước	-	(521.426.116)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>17.653.935.637</b>	<b>20.642.560.728</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>4.413.483.909</b>	<b>5.160.640.182</b>

**22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận cơ bản để tính lãi trên cổ phiếu	17.718.210.050	20.714.392.825
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	35.000.000	35.000.000
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>	<b>506</b>	<b>592</b>

**23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**
**Giao dịch với bên liên quan**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn</i>		
Trả tiền đặt cọc mua chứng khoán	-	1.050.000.000.000
Trả lãi tiền đặt cọc mua chứng khoán	-	116.930.000.000
Trả cổ tức năm 2012	2.695.000.000	-
Phải trả cổ tức	1.540.000.000	2.695.000.000

**23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Các khoản lương, thưởng của Ban Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị trong năm:*

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lương, thưởng của Ban giám đốc	2.484.910.780	2.117.391.240
Thù lao Hội đồng quản trị	96.000.000	96.000.000

**24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Thuê hoạt động là các khoản thuê văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm là 6.660.790.282 VND.

Tại ngày 31/12/2013, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Trong vòng một năm tới	5.103.937.248	7.530.323.167
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	8.295.874.496	10.710.646.667
	<b>13.399.811.744</b>	<b>18.240.969.833</b>

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**
**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản vay	174.263.931.359	63.106.931.492
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	153.340.248.240	92.634.154.011
Nợ thuần	20.923.683.119	-
Vốn chủ sở hữu	364.068.483.531	362.421.712.764
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	5,75%	0,00%

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.



**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	153.340.248.240	-	92.634.154.011	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	445.244.533.646	(4.160.459.120)	373.355.808.826	(408.000.000)
Đầu tư ngắn hạn	156.625.403.955	(56.921.225.730)	134.697.947.353	(64.457.529.595)
Các khoản ký quỹ	1.636.288.580	-	1.453.279.100	-
	<b>756.846.474.421</b>	<b>(61.081.684.850)</b>	<b>602.141.189.290</b>	<b>(64.865.529.595)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Công nợ tài chính</b>		
Vay và nợ	174.263.931.359	63.106.931.492
Phải trả người bán	1.195.593.176	516.022.875
Chi phí phải trả	4.467.403.845	1.423.550.307
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	153.465.664.221	113.353.058.663
	<b>333.392.592.601</b>	<b>178.399.563.337</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

### *Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư ... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	153.340.248.240	-	153.340.248.240
Phải thu khách hàng, phải thu khác	441.084.074.526	-	441.084.074.526
Đầu tư ngắn hạn	99.704.178.225	-	99.704.178.225
Các khoản ký quỹ	528.139.100	1.108.149.480	1.636.288.580
	<b>694.656.640.091</b>	<b>1.108.149.480</b>	<b>695.764.789.571</b>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>			
Vay và nợ	174.263.931.359	-	174.263.931.359
Phải trả người bán	1.195.593.176	-	1.195.593.176
Chi phí phải trả	4.467.403.845	-	4.467.403.845
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	153.465.664.221	-	153.465.664.221
	<b>333.392.592.601</b>	<b>-</b>	<b>333.392.592.601</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>361.264.047.490</b>	<b>1.108.149.480</b>	<b>362.372.196.970</b>
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.634.154.011	-	92.634.154.011
Phải thu khách hàng, phải thu khác	372.947.808.826	-	372.947.808.826
Đầu tư ngắn hạn	70.240.417.758	-	70.240.417.758
Các khoản ký quỹ	535.139.100	918.140.000	1.453.279.100
	<b>536.357.519.695</b>	<b>918.140.000</b>	<b>537.275.659.695</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>			
Vay và nợ	63.106.931.492	-	63.106.931.492
Phải trả người bán	516.022.875	-	516.022.875
Chi phí phải trả	1.423.550.307	-	1.423.550.307
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	113.353.058.663	-	113.353.058.663
	<b>178.399.563.337</b>	<b>-</b>	<b>178.399.563.337</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>357.957.956.358</b>	<b>918.140.000</b>	<b>358.876.096.358</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**Các khoản đảm bảo**

Tại ngày 31/12/2013, Công ty đang nắm giữ tài sản đảm bảo liên quan đến các hợp đồng mua bán lại chứng khoán là các chứng khoán chưa niêm yết của Ngân hàng TMCP Sài Gòn và tài sản đảm bảo là giá trị cổ phiếu liên quan đến các hợp đồng giao dịch mua ký quỹ chứng khoán.

**26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

**27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán.



## MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

- Hà Nội** **Hội sở chính:** Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.  
Điện thoại: (84) 043 728 0921 | Fax: (84) 043 728 0920  
Email: [contact@tvs.com.vn](mailto:contact@tvs.com.vn) | Website: <http://www.tvs.com.vn>  
**Chi nhánh Hoàn Kiếm:** Tầng 2, 3B Thi Sách, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (04) 3933 2233 | Fax: (04) 3933 5120  
**Chi nhánh Mỹ Đình:** Tầng 2, 58 Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (04) 3792 5183 | Fax: (04) 3792 5180  
**PGD Láng Hạ:** 105 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (04) 3514 9033 | Fax: (04) 3514 9107  
**PGD Tây Hồ:** 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội  
Điện thoại: (04) 3728 6411 | Fax: (04) 3728 6407
- Hải Phòng** **Chi nhánh Hải Phòng:** Tầng 3, 10 Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng  
Điện thoại: (031) 375 7559 | Fax: (031) 375 7560
- Đà Nẵng** **Chi nhánh Đà Nẵng:** 115 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng  
Điện thoại: (0511) 375 2282 | Fax: (0511) 375 2283
- Quy Nhơn** **Chi nhánh Quy Nhơn:** Số 1 Nguyễn Tất Thành, Quy Nhơn, Bình Định  
Điện thoại: (056) 381 8840 | Fax: (056) 381 8820
- Nha Trang** **Chi nhánh Nha Trang:** Tầng 2, 78 Lý Thánh Tôn, Nha Trang, Khánh Hòa  
Điện thoại: (058) 381 6868 | Fax: (058) 382 8279
- Dak Lak** **Chi nhánh Dak Lak:** 167 Hai Bà Trưng, Buôn Ma Thuột, Dak Lak  
Điện thoại: (0500) 384 3396 | Fax: (0500) 384 3069
- Hồ Chí Minh** **Chi nhánh Hồ Chí Minh:** 193-203 Trần Hưng Đạo, Cô Giang, Q.1, HCM  
Điện thoại: (08) 3838 6868 | Fax: (08) 3920 7542  
**Chi nhánh An Đông:** Tầng 7, 76 - 78 - 80 Hải Thượng Lãn Ông, Q.5, HCM  
Điện thoại: (08) 3855 5438 | Fax: (08) 3830 6547  
**Chi nhánh Cộng Hòa:** 347 Cộng Hòa, P.13, Q.Tân Bình, HCM  
Điện thoại: (08) 3813 2972 | Fax: (08) 3813 2970
- Vĩnh Long** **Chi nhánh Vĩnh Long:** 11-11A,B,C Phạm Thái Bường, Vĩnh Long, Vĩnh Long  
Điện thoại: (070) 385 3533 | Fax: (070)385 3535

